

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Tú

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Hữu Nghị.

2- Ông Võ Hoàng Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 571/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mai H**, sinh năm 1998; địa chỉ: **Số B đường Đ ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Hoài A**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Tổ C, Ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị Mai H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **A** chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân

tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm và tiền bạc do anh **Â** thường xuyên ghen tuông vô cớ, không chăm lo vợ con. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 11/2023 thì vợ chồng bắt đầu sống ly thân đến nay không hàn gắn được, chị **H** yêu cầu giải quyết ly hôn với anh **Â**.

Về con chung: Có 01 cháu tên **Đỗ Trần Thịnh P**, sinh ngày 09/6/2021 hiện đang sống với chị **H**, khi ly hôn chị **H** yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **P**, không yêu cầu anh **Â** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh **Đỗ Hoài Á đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị **Trần Thị Mai H** có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn anh **Đỗ Hoài Á** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **H**, anh **Â** là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H**; giao con chung tên **Đỗ Trần Thịnh P**, sinh ngày 09/6/2021 cho chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận chị **H** không yêu cầu anh **Â** cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung chị **H** không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn chị **Trần Thị Mai H** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Đỗ Hoài Á** đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về hôn nhân:** Chị **H** và anh **Á** chung sống với nhau có thực hiện việc đăng ký kết hôn năm 2020, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Chị **H** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Á** do anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh **Á** không tin tưởng chị về mặt tình cảm, anh **Á** không chăm lo vợ con, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay không tự hàn gắn được, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã nhiều lần triệu tập nhưng anh **Á** luôn vắng mặt không rõ lý do, điều này thể hiện anh **Á** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của anh chị, do đó yêu cầu ly hôn chị **H** là có căn cứ chấp nhận.

[3] **Về con chung:** 01 người tên **Đỗ Trần Thịnh P**, sinh ngày 09/6/2021 hiện đang sống ổn định với chị **H**, nên giao chị **H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp, ghi nhận sự tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **Á** cấp dưỡng nuôi con.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị **H** không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị **H** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Mai H** đối với anh **Đỗ Hoài Â**:

Chị **Trần Thị Mai H** được ly hôn với anh **Đỗ Hoài Â**.

2. Về con chung: Giao chị **Trần Thị Mai H** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Đỗ Trần Thịnh P**, sinh ngày 09/6/2021.

Anh **Đỗ Hoài Â** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Trần Thị Mai H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Trần Thị Mai H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008577 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị **H** đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **H**, anh **Â** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Nơi nhận:

TÒA

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Mai Thanh Tú